**TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN SINH HỌC 9**

**Năm học 2023 – 2024**

**I. Nội dung:**

- Chương 1: Các thí nghiệm của Menđen

- Chương 2: Nhiễm sắc thể

- Chương 3: AND

**II. Các dạng câu hỏi:**

**A.Trắc nghiệm:** Hãy chọn đáp án đúng nhất.

**Câu 1**: **Tính trạng là**

A. những biểu hiện của kiểu gen thành kiểu hình

B. kiểu hình bên ngoài cơ thể sinh vật.

C. các đặc điểm bên trong cơ thể sinh vật.

D. những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lý của một cơ thể.

**Câu 2**: **Dòng thuần là**

A. dòng mang tất cả các cặp gen đồng hợp.

B. dòng đồng hợp về kiểu gen và cùng biểu hiện 1 kiểu hình.

C. dòng mang các cặp gen đồng hợp trội.

D. dòng mang các cặp gen đồng hợp lặn.

D. những đặc điểm về hình thái, cấu tạo, sinh lý của một cơ thể.

**Câu 3**: **Theo Menđen, tính trạng được biểu hiện ở cơ thể lai F1 được gọi là**

A. tính trạng lặn B. tính trạng tương ứng.

C. tính trạng trung gian. D. tính trạng trội

**Câu 4**: **Tính trạng tương phản là**

A. các tính trạng cùng một loại nhưng biểu hiện trái ngược nhau.

B. những tính trạng số lượng và chất lượng.

C. tính trạng do một cặp alen quy định.

D. các tính trạng khác biệt nhau.

**Câu 5**: **Đặc điểm nào của cây Đậu Hà Lan tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu các quy luật di truyền của Men đen?**

A. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn nghiêm ngặt.

B. Sinh sản nhanh và phát triển mạnh.

C. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn không nghiêm ngặt.

D. Có hoa đơn tính, giao phấn nghiêm ngặt.

**Câu 6**: **Menđen chọn các cặp tính trạng tương phản khi thực hiện phép lai vì**

A. thuận tiện cho việc lai các cặp bố mẹ với nhau.

B. thuận tiện cho việc theo dõi sự di truyền của từng cặp tính trạng qua các thế hệ.

C. thuận tiện cho việc sử dụng toán thống kê để phân tích số liệu thu được.

D. thuận tiện cho việc chọn các dòng thuần chủng.

**Câu 7**: **Theo Menđen, yếu tố được di truyền nguyên vẹn từ bố mẹ sang con là gì?**

A. Alen B. Kiểu gen. C. Tính trạng. D. Nhân tố di truyền

**Câu 8: Thế hệ F1 trong thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Men Đen có đặc trưng là**

A. thuần chủng. B. đồng tính về tính trạng trội.

C. phân tính D. đồng tính về tính trạng lặn

**Câu 9: Thế hệ F2 trong lai một cặp tính trạng của Men Đen có đặc trưng là gì?**

A. Đều đồng tính. B. Phân tính kiểu hình 1: 1

C. Phân tính kiểu hình 3: 1 D. Tỉ lệ kiểu gen là: 1Aa: 1aa

**Câu 10: Tính trạng đến F2 mới biểu hiện trong thí nghiệm lai một cặp tính trạng của Men đen gọi là**

A. tính trạng trội. B. tính trạng lặn.

C. tính trạng trung gian. D. tính trạng tương ứng

 **Câu 11: Khi P khác nhau về hai cặp tính trạng thuần chủng, tương phản thì tỉ lệ phân tính đặc trưng ở F2 trong thí nghiệm lai hai cặp tính trạng của Men Đen là bao nhiêu?**

A. 9: 3: 3:1 B. 1: 1:1: 1

C. 3: 3: 1: 1 D. 3: 6: 3: 1: 2: 1

**Câu 12: Trong phép lai hai cặp tính trạng phản ánh quy luật phân ly độc lập của Men Đen, số loại giao tử F1 là bao nhiêu?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2 | B. 4 | C. 8 | D. 16 |

**Câu 13: Trong phép lai hai cặp tính trạng phản ánh quy luật phân ly độc lập của Men Đen, số kiểu tổ hợp hợp tử của F2 là bao nhiêu?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 8 | C. 32 | D. 16 |

**Câu 14 : Trong thí nghiệm lai 1 cặp tính trạng của Men Đen có thể giải thích hiện tượng phân tính ở F2 như thế nào?**

1. F1 có kiểu gen Aa.

2. F1 cho hai loại giao tử A và a với tỉ lệ tương đương và các loại giao tử tổ hợp ngẫu nhiên trong quá trình thụ tinh.

3. Gen A trội hoàn toàn so với a.

Đáp án đúng là:

A. 1 và 2 B. 2 và 3 C. 1 và 3 D. Cả 1,2 và 3

**Câu 15: Phép lai nào dưới đây ở đậu Hà Lan có thể sử dụng kết quả như phép lai phân tích?**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. AA x AA
2. AA x Aa
3. AA x aa
 | 1. Aa x Aa
2. Aa x aa

 **6.** aa x aa |
| **Đáp án đúng là:** A. 1và 3 | B. 3 và 6 | C. 3 và 5 | D. 4 và 5 |

**Câu 16: Ở cà chua thân cao là trội hoàn toàn so với thân lùn. Cho lai cà chua thân cao (Dd) với cà chua thân lùn. Tỉ lệ kiểu gen ở F2 là bao nhiêu?**

A. 1DD: 1dd B. 1DD: 2Dd: 1dd

C. 3Dd: 1dd D. 1Dd : 1dd

 **Câu 17: Ở cà chua, quả đỏ trội là hoàn toàn so với quả vàng. Tỉ lệ kiểu hình của F1 trong phép lai quả đỏ dị hợp tử với quả vàng là bao nhiêu?**

A. 50% quả đỏ:50% quả vàng B. 75% quả đỏ:25% quả vàng

C. 25% quả đỏ:25% quả vàng D. 100 % quả đỏ

**Câu 18: Ở người, mắt đen do gen D quy định là trội hoàn toàn so với mắt nâu do gen d quy định. Một phụ nữ mắt nâu muốn chắc chắn(100%) sinh ra những đứa con mắt đen thì phải lấy chồng có kiểu hình và kiểu gen như thế nào?**

A. Mắt đen (DD) B. Mắt đen(Dd)

C. Mắt nâu (dd) D. Mắt đen( DD và Dd)

**Câu 19: Hình thức sinh sản tạo ra nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là**

A. sinh sản vô tính B. sinh sản hữu tính

C. sinh sản sinh d­ưỡng D. sinh sản nảy chồi

 **Câu 20: Khi giao phấn giữa cây có quả tròn, chín sớm với cây có quả dài, chín muộn. Kiểu hình nào ở con lai d­ưới đây được xem là biến dị tổ hợp?**

1. Quả tròn, chín sớm 2. Quả dài, chín muộn

3. Quả tròn, chín muộn 4. Quả dài, chín sớm

Đáp án đúng là:

A. 1 và 2 B. 2 và 3 C. 3 và 4 D. 1 và 4

**Câu 21: Điều nào không phải là chức năng của NST ?**

A. Bảo đảm sự phân chia đều vật chất di truyền cho các tế bào con nhờ sự phân chia đểu của các NST trong phân bào.

B. Lưu giữ, bảo quản và truyền đạt thông tin di truyền.

C. Tạo cho ADN tự nhân đôi.

D. Điều hoà mức độ hoạt động của gen thông qua sự cuộn xoắn của NST.

**Câu 22: Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở vào**

A. kì trung gian B. kì đầu C. kì giữa D. kì sau

**Câu 23: Thành phần hoá học của NST bao gồm**

A. phân tử Prôtêin B. phân tử ADN

C. prôtêin và phân tử ADN D. axit và bazơ

**Câu 24: Một khả năng của NST đóng vai trò rất quan trọng trong sự di truyền là**

A. biến đổi hình dạng B. tự nhân đôi

C. trao đổi chất D. co, duỗi trong phân bào

**Câu 25: Đặc điểm của NST trong các tế bào sinh dưỡng là**

   A. luôn tồn tại thành từng chiếc riêng rẽ B. luôn tồn tại thành từng cặp tương đồng

   C. luôn co ngắn lại D. luôn luôn duỗi ra

**Câu 26: Cặp NST tương đồng là**

   A. hai NST giống hệt nhau về hình thái và kích thước, có nguồn gốc khác nhau.

 B. hai NST giống nhau về hình thái, kích thước, có cùng 1 nguồn gốc từ bố hoặc mẹ.

   C. hai crômatit giống hệt nhau, dính nhau ở tâm động.

 D. hai crômatit có nguồn gốc khác nhau.

**Câu 27: Trong chu kì tế bào, sự tự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào?**

   A. Kì trung gian B. Kì đầu C. Kì giữa D. Kì sau

**Câu 28: Ở kì giữa của quá trình nguyên phân, các NST kép xếp thành mấy hàng trên mặt phẳng xích đạo?**

   A. 1 hàng B. 2 hàng C. 3 hàng D. 4 hàng

**Câu 29: Trạng thái của NST ở kì sau của quá trình nguyên phân như thế nào?**

   A. NST kép tách nhau ở tâm động thành NST đơn và phân li về 2 cực tế bào.

 B. NST kép phân li độc lập về 2 cực tế bào.

 C. NST kép dãn xoắn ở dạng sợi mảnh

 D. NST đơn phân li độc lập về 2 cực tế bào.

**Câu 30: Kết thúc quá trình nguyên phân, số NST có trong mỗi tế bào con là**

A. lưỡng bội ở trạng thái đơn B. lưỡng bội ở trạng thái kép

C. đơn bội ở trạng thái đơn D. đơn bội ở trạng thái kép

**Câu 31:** **Ở cà chua có bộ NST 2n = 24. Quan sát tế bào sinh dưỡng của cà chua đang phân bào người ta đếm được trong tế bào có 48 NST đơn. Tế bào đó đang ở kì nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Kì đầu của nguyên phânC. Kì sau của nguyên phân | B. Kì giữa của nguyên phânD. Kì trung gian  |

**Câu 32:** **Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là gì?**

   A. Sự phân chia đồng đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

   B. Sự sao chép nguyên vẹn bộ NST của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

   C. Sự phân li đồng đều của các crômatit về 2 tế bào con.

   D. Sự phân chia đồng đều chất tế bào của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

**Câu 33:** **Ở ruồi giấm 2n=8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân. Số NST trong tế bào đó bằng bao nhiêu trong các trường hợp sau?**

   A. 4 B. 8 C. 16 D. 32

**Câu 34:** **Giảm phân là hình thức phân bào xảy ra ở**

   A. tế bào sinh dưỡng B. tế bào sinh dục vào thời kì chín

   C. tế bào mầm sinh dục D. hợp tử và tế bào sinh dưỡng

**Câu 35:** **Điều đúng khi nói về sự giảm phân ở tế bào là**

  A. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 2 lần B. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 1 lần

  C. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 2 lần D. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 1 lần

**Câu 36:** **Kết thúc quá trình giảm phân, số NST có trong mỗi tế bào con là**

   A. Lưỡng bội ở trạng thái đơn B. Đơn bội ở trạng thái đơn

   C. Lưỡng bội ở trạng thái kép D. Đơn bội ở trạng thái kép

**Câu 37:** **Trong giảm phân, sự tự nhân đôi của NST xảy ra ở**

   A. kì trung gian trước lần phân bào I B. kì giữa của lần phân bàoI

   C. kì trung gian trước lần phân bào II D. kì giữa của lần phân bào II

**Câu 38:** **Hiện tượng xảy ra trong giảm phân nhưng không có trong nguyên phân là**

 A. nhân đôi NST B. tiếp hợp giữa2 NST kép trong từng cặp tương đồng

 C. phân li NST về hai cực của tế bào D. co xoắn và tháo xoắn NST

**Câu 39: Đặc điểm của nhiễm sắc thể giới tính là**

A.có 1 cặp trong nhân tế bào. B. có 1 đến 2 cặp trong nhân tế bào.

C.luôn luôn chỉ có 1 cặp trong nhân tế bào. D. số cặp trong nhân tế bào thay đổi tùy loài.

**Câu 40: Chức năng của nhiễm sắc thể giới tính là gì?**

1. Mang một số gen quy định các tính trạng liên quan đến giới tính.
2. Mang gen xác định giới tính.
3. Mang gen quy định sự tổng hợp protein trong cơ thể.
4. Mang gen quy định các tính trạng thường

Đáp án đúng là:

1. 1 và 2 B. 2 và 3 C. 3 và 4 D. 2 và 4

**Câu 41: Loài nào sau đây có cặp NST giới tính là XX ở con cái và XY ở con đực?**

1. Ếch B. Bướm tằm. C. Gà D. Tinh tinh.

**Câu 42: Ở những loài mà giới đực là giới dị giao tử thì những trường hợp nào trong các trường hợp sau đây đảm bảo tỉ lệ đực cái xấp xỉ là 1:1 ?**

1. Số giao tử đực bằng số giao tử cái.
2. Hai loại giao tử mang NST X và NST Y có số lượng tương đương.
3. Số cá thể đực và số cá thể cái của loài vốn bằng nhau.
4. Xác xuất thụ tinh giữa giao tử đực mang NST X và NTS Y với giao tử cái là tương đương.
5. Sức sống của hợp tử XX và XY là ngang nhau.

Đáp án đúng là:

1. 1,2,4 B. 2,4,5 C. 3,4,5 D. 1,3,5

**Câu 43: Phép lai P : AaBb x aabb cho F1 có tỉ lệ kiểu gen**

1. A. 9 : 3 : 3 : 1 B. 1 : 1 : 1 : 1
2. C. 1 : 2 : 1 : 2 : 1 D. 3 : 3 : 1 : 1

**Câu 44: Phép lai nào sau đây thế hệ F1 xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp nhất?**

A. P: BbDd x bbDd. B. P: BBdd x bbdd.

C. P: BbDd x BbDd. D. P: Bbdd x bbDd.

**Câu 45: Phép lai: AaBbccDd x AabbCcdd có thể sinh ra đời con có số loại kiểu gen là**

A. 81. B. 16. C. 24. D. 48.

**Câu 46: Phép lai: AaBbccDd x aaBbCcdd cho F1 có kiểu hình lặn về cả 4 gen chiếm tỉ lệ bao nhiêu?**

A. 1/128. B. 1/32. C. 1/24. D. 1/48

**Câu 47: Phép lai nào sau đây cho kết quả phân li kiểu hình 25% quả vàng, nhăn : 50% quả vàng, trơn : 25% quả xanh, trơn. Biết A: quả đỏ, a: quả vàng. B: quả trơn, b: quả nhăn.**

A. AB/aB x AB/aB B. Ab/aB x AB/ab

C. Ab/aB x aB/ab D. Ab/aB x ab/ab

**Câu 48: Ở người, gen A quy định mắt đen trội hoàn toàn so với gen a quy định mắt xanh. Mẹ và bố phải có kiểu gen và kiểu hình như thế nào để sinh con ra có người mắt đen, có người mắt xanh?**

A. Mẹ mắt đen (AA) x bố mắt xanh (aa). B. Mẹ mắt xanh (aa) x bố mắt đen (AA).

C. Mẹ mắt đen (AA) x bố mắt đen (AA). D. Mẹ mắt đen (Aa) bố mắt đen (Aa).

**Câu 49: Muốn F1 xuất hiện đồng loạt 1 tính trạng, kiểu gen của P là:**

A. AA x AA hoặc AA x Aa B. AA x AA hoặc Aax Aa

C. Aa x aa hoặc aa x aa. D. AA x aa hoặc Aa x aa.

**Câu 50: Những loại giao tử có thể tạo được từ kiểu gen AaBb là:**

A. AB, Ab, aB, ab B. AB, Ab C. Ab, aB, ab D. AB, Ab, aB

**B. Tự luận:**

1. Ở cà chua, cây thân cao (A) là trội hoàn toàn so với cây thân thấp (a)
2. Tìm kiểu gen của dạng cây thân cao.
3. Cho cây cao thuần chủng lai với cây thân thấp, kết quả kiểu hình F1 và F2 sẽ như thế nào? Viết sơ đồ lai.
4. Cho dòng ruồi giấm thuần chủng thân xám lai với thân đen, F1 thu được toàn ruồi giấm thân xám. Cho các cá thể F1 tạp giao với nhau, ở đời lai F2 thu được 902 con thân xám, 302 con thân đen.
5. Cho biết F1 ruồi thân xám là trội hay là lặn.
6. Kiểu gen của P và của F1
7. Viết sơ đồ lai từ F1 đến F2
8. Cho F1 lai phân tích, kết quả kiểu hình ở đời lai sẽ như thế nào?
9. Biến dị tổ hợp là gì? Nguyên nhân phát sinh và ý nghĩa? Vì sao các loài sinh sản hữu tính lại đa dạng phong phú hơn các loài sinh sản vô tính.
10. Cơ chế nào tạo các giao tử có bộ nhiễm sắc thể khác nhau về nguồn gốc? Nêu ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt** |  **Tổ, nhóm CM**  | **Người ra đề** |
| **Kiều Thị Tâm** |  **Phan Thị Thanh Hiền** | **Quách Thị Việt Anh** |